

Hiệp định Genève (20-7-1954) (Phần 2)

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Tư: 04 Tháng 8 Năm 2010 21:14

Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương” gồm 13 điều, trong đó quan trọng nhất là điều 7.

IV.- BÊN TUYÊN BỐ CUỐI CÙNG KHÔNG CHỮ KÝ

Sau khi Hiệp định đình chiến giữa Việt Nam được ký kết, các phái đoàn họp tiếp ngày 21-7-1954 và “thông qua” bản “Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương”. Đây chỉ là lời tuyên bố (Déclaration) của bảy phái đoàn, có tính cách đơn thuần thông lại Việt Nam, và đặc biệt không có phái đoàn nào ký tên vào bản tuyên bố này, nghĩa là bản tuyên bố không có chữ ký.



Khi chủ trì phiên họp là Anthony Eden (ngoại trưởng Anh) hội đồng phái đoàn, thì 7 phái đoàn là Anh, Pháp, Liên Xô, CHNDTH, VNDCH, Lào và Cambodge (Cambodia) trực tiếp miêng rằng “đồng ý”.(10) Phái đoàn Hoa Kỳ và phái đoàn QGVN không đồng ý, và từ đó đưa ra tuyên bố riêng của mình.

Bản “Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương” gồm 13 điều, trong đó quan trọng nhất là điều 7. Điều này ghi rằng:

“Hội nghị tuyên bố rằng đối với Việt Nam, việc giải quyết các vấn đề chính trị thuộc hiên trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, sẽ phải làm cho nhân dân Việt Nam được hưởng những sự do căn bản, bao gồm mọi nhu cầu của dân chúng thành lập sau từng bước tự do và bất phân u kín. Để cho việc lập lại hòa bình tiến triển đến mức cần

Hiệp định Genève (20-7-1954) (Phần 2)

Tác Giả: Trăn Gia Phụng

Thứ Tư: 04 Tháng 8 Năm 2010 21:14

thiết cho nhân dân Việt Nam có thể tự do bày tỏ ý nguyện, cuộc Tổng tuyển cử sẽ được tổ chức vào tháng 7-1956 để kiểm soát của một Ban Quốc gia gồm đại biểu của hai miền có chân trong Ban Giám sát và Kiểm soát Quốc gia đã nói trong Hiệp định đình chiến chính thức. Kể từ ngày 20-7-1954 hai miền nhà nước có thể quy định trong hai vùng sẽ có những cuộc gặp gỡ để thông qua những vấn đề liên quan.” (Bản dự thảo của Thủ Nguyên, Diêm Châu, Đoàn Tịch) (11a)

Điều 7 của bản Tuyên bố được xem là điểm nổi bật nhất về mặt pháp chính trị trong toàn văn, theo đó một cuộc tổng tuyển cử sẽ có thể được tổ chức để thống nhất đất nước, mà sau này Bắc Việt đưa vào điều này để đòi hỏi Nam Việt tổ chức tổng tuyển cử trên toàn quốc.

Bắc Việt thường nói và viết rằng việc tổ chức tổng tuyển cử giữa hai miền Bắc và Nam Việt Nam là theo quy định của Hiệp định Genève. Thực ra Hiệp định Genève chỉ là một hiệp định đình chiến chính thức (đình chiến) mà không đưa ra một giải pháp chính trị nào. Giải pháp chính trị về một cuộc tổng tuyển cử giữa hai miền Bắc và Nam Việt Nam được tính tổ chức vào năm 1956 nằm trong điều 7 của bản “Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương”

Trong bản tuyên bố riêng của phái đoàn QGVN, bác sĩ Trần Văn Địch, trưởng phái đoàn, giải thích vì sao phái đoàn QGVN không ký kết hiệp định Genève. Sau khi phân tích việc chia cắt đất nước và việc đưa quân đội Pháp thực hiện ký kết hiệp định mà không đem lại gì cho quyền lợi của quân đội Quốc gia và nhân dân Việt Nam, bản tuyên bố của phái đoàn QGVN viết:

“Vì thế cho nên chính phủ Việt Nam yêu cầu Hội nghị ghi nhận một cách chính thức rằng Việt Nam long trọng phản đối cách ký kết Hiệp định cùng những điều khoản không tôn trọng nguyện vọng sâu xa của dân Việt. Chính phủ Việt Nam yêu cầu Hội nghị ghi nhận rằng Chính phủ tạm thời dành cho mình quyền hoàn toàn tự do hành động để bảo vệ quyền thiêng liêng của dân tộc Việt Nam trong công cuộc thực hiện Thống nhất, Độc lập, và Tự do cho xứ sở.”(11b)

Vì phái đoàn QGVN không ký vào bản Hiệp định đình chiến chính thức ở Việt Nam (hiệp định Genève) và nhất là không tham gia vào bản “Tuyên bố cuối cùng”, nên chính phủ QGVN tự cho rằng không bắt buộc vào điều 7 của bản tuyên bố này.

Về phía Hoa Kỳ, trưởng phái đoàn là Bedell Smith cũng đưa ra bản tuyên ngôn ngày 21-7-1954 theo đó, tuy không ký vào hiệp định, nhưng Hoa Kỳ cam đoan không đe dọa hay dùng vũ lực

Hiệp Định Genève (20-7-1954) (Phần 2)

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Tư, 04 Tháng 8 Năm 2010 21:14

đåa đßi hißp đßnh; Hoa Kß sß nghiêm xét bßt cß mßt hành vi tái gây hßn vi phạm thoß hißp trên, đe dọa hòa bình và an ninh thß gißi; Hoa Kß tôn trọng vißc thßc hißn thßng nhßt Vißt Nam bßng tßng tuyßn cß tß do đßt đßi sß giám sát cßa Lißn Hißp Qußc. Ông Bedell Smith kßt lußn:

“Chúng tôi chia sß nißm hy vßng rßng các thßa hißp nßy sß cho phép Cao Mißn, Lào và Vißt Nam nßm giß đßi vß cßa hß, trong đßc lßp hoàn toàn và chß quyßn đßy đß, gißa cßng đßng yêu chußng hoà bình cßa các qußc gia, và sß khißn cho các dân tßc ß các vùng đó có thß tß đßnh đoßt lßy tßng lai cßa mình.”(11c)

V.- VIßc THI HÀNH HIßp ĐßNH GENßVE

Hßi nghß Genève kßt thúc vßi ba văn kißn chính thßc (ngày 20-7-1954) và mßt bßn tuyên bß chung (ngày 21-7-1954) là: 1) Hißp đßnh đßnh chß chißn sß ß Vißt Nam. 2) Hißp đßnh đßnh chß chißn sß ß Lào. 3) Hißp đßnh đßnh chß chißn sß ß Cambodge (Cambodia). 4) Tuyên bß cußi cùng cßa Hßi nghß Genève 1954 vß vßn đß lßp lßi hòa bình ß Đßng Dßng.

Ngoài bßn văn kißn trên, còn có hai văn kißn do hai phái đoàn đßa ra là: 1) Tuyên ngôn cßa phái đoàn QGVN. 2) Tuyên ngôn cßa phái đoàn Hoa Kß.

Cßn chú ý hai đßi m: Thß nhßt, Hißp đßnh đßnh chß chißn sß ß Vißt Nam tßc Hißp đßnh đßnh chß chißn Genève chß có tính cách thußn tßy quân sß, nói vß vißc rút quân, tßp trung quân, thßi hßn chuyßn quân... mà hoàn toàn không đß cßp đßn gißi pháp chính trß.

Thß hai, không có phái đoàn nào ký tên vào bßn “Tuyên bß cußi cùng cßa Hßi nghß Genève 1954 vß vßn đß lßp lßi hòa bình ß Đßng Dßng” ngày 21-7-1954. Mßt đßi u rßt lß lßng là sß vißc bßt thßng nßy, mßt văn kißn qußc tß mà không có chß ký, lßi ít đßc chú ý và ít đßc sách báo vißt đßn.(12)

Đßi u 7 cßa bßn tuyên bß nßy mß đßu bßng câu “Hßi nghß tuyên bß rßng đßi vßi Vißt Nam...” (La Conférence déclare qu'en ce qui concerne le Vietnam...), nghĩa là vß vßn đß Vißt Nam, Hßi nghß nghĩ rßng, đßa ra ý kißn rßng, hay đß kißn rßng ... mßt cußc Tßng tuyßn cß sß đßc tß chßc vào tháng 7-1956..., còn làm theo hay không làm theo, nghĩa là thi hành hay không thi

hành, là tùy các bên liên hệ. Hiệp nghị không cam kết và cũng không yêu cầu các bên liên hệ cam kết là sẽ thi hành từng tuyên bố, vì bằng chứng rõ ràng nhất là Hiệp nghị không yêu cầu bên nào ký vào bản tuyên bố này, để cam kết hay để giải quyết cam kết. Nhưng hiệp định với điều kiện chỉ ký mà còn bị vi phạm từng phần, huống gì là những bản tuyên bố không chỉ ký.

Hơn nữa, đây là một bản tuyên bố chỉ không phải là một bản hiệp định. Một bản tuyên bố chỉ không có chữ ký của bất cứ phái đoàn nào, kể cả các chính phủ liên hệ đến cuộc chiến ở Đông Dương, có thể xem là một văn kiện có giá trị pháp lý để thi hành hay không?

Vì những lý do căn bản này, bản “Tuyên bố cuối cùng của Hiệp nghị Genève 1954 về việc lập lại hòa bình ở Đông Dương”, trong đó có một điều khoản 7 của bản tuyên bố này với điều kiện một cuộc từng tuyên bố trong năm 1956, không có tính cách pháp lý để bắt buộc bất cứ nước nào thi hành. Nói cho cùng, có thể nói rằng bản tuyên bố này khá mơ hồ và không đưa ra một giải pháp chính thức cho từng phần lại Đông Dương sau khi hai bên đình chiến.

Tình thế của bản tuyên bố Genève ngày 21-7-1954 khiến người ta liên tưởng đến “Tội hủ thố Potsdam” mà các nước Anh, Hoa Kỳ và Trung Hoa Dân Quốc (Tung Giỏi Thục) gởi cho Nhật Bản ngày 26-7-1945. Tội hủ thố Potsdam buộc Nhật Bản đầu hàng vô điều kiện và quy định rằng Đông Dương quân đội Trung Hoa sẽ giải giáp quân đội Nhật ở phía bắc vĩ tuyến 16, và quân đội Anh sẽ giải giáp quân đội Nhật ở phía nam vĩ tuyến 16 (ngang qua Tam Kỳ). Tuy nhiên tội hủ thố này không được chấp nhận vì cả hai nước Anh và Hoa Kỳ sau khi quân đội Nhật bị giải giáp và rút về nước, nghĩa là không đưa ra một giải pháp chính thức cho Đông Dương.

Điều này sẽ tỏ ra một khoảng trống hành chính và chính trị ở Đông Dương sau năm 1945 một khi những quy định trong tội hủ thố Potsdam được thi hành, vì nếu Nhật đầu hàng, chính phủ Trần Trọng Kim do Nhật bảo trợ, cũng sẽ sụp đổ, thì ai sẽ là người có thẩm quyền ở Đông Dương? Đây là thâm ý của Anh và Hoa Kỳ, cả tình bằng chứng khoảng trống chính trị để tỏ ra điều kiện cho Pháp trở lại Đông Dương.

Nay bản “Tuyên bố cuối cùng của Hiệp nghị Genève 1954 về việc lập lại hòa bình ở Đông Dương” cũng đi vào vệt xe cũ, không đưa ra một giải pháp chính thức cho từng phần lại Đông Dương, ngoài một bản tuyên bố không có người ký. Thế đó, các bên liên hệ đến bản tuyên bố có thể tùy tiện giải thích bản tuyên bố một cách khác nhau, tùy theo chủ trương chính sách của mỗi bên, và nhất là tùy theo “lý của kẻ mạnh”.

Hiệp định Genève (20-7-1954) (Phần 2)

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Tư: 04 Tháng 8 Năm 2010 21:14

Ngày trong Hội nghị Liên Châu từ ngày 3 đến ngày 5-7-1954, các CHNDTH và VNDCCH đã thỏa thuận tạm hòa hoãn tiếp tục chiến tranh. Cũng trong hội nghị Liên Châu, những nhà lãnh đạo VNDCCH đã trình bày kế hoạch hòa hoãn chiến, tạm ngừng khai mai phục, giải ngũ ở cùng chỗ giữ vũ khí tại miền Nam để chờ đợi thời cơ nổi dậy. Như thế có nghĩa là kế hoạch tạm ngưng miền Nam, vì phạm hiệp định Genève đã được phía cộng sản đồng tính trước khi ký kết hiệp định.

Cho đến nay, chúng ta có một giới thích câu thơ nào cho biết tại sao bọn “Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 và vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương”, lại không không có chữ ký của phái đoàn các nước? Phải chăng sau nhiều tháng họp, các phái đoàn quá mệt mỏi và nhúng tranh cãi triền miên, nên chỉ hỏi ý kiến bên ngoài cho chóng thông qua? Hay phải chăng có một âm mưu mưu tính chuyên vớ sau, nên chỉ hỏi bên ngoài để bên ngoài vớ đến, nhằm dọn đường cho những tính toán chính trị tiếp sau hiệp định Genève? Và ai là người đã cho xôn xao biến pháp chính trị lập nên nầy? Nước nào cho xôn xao thì chúng ta biết, những chính phủ QGVN rất yêu thương, ngay từ đầu là bác bỏ việc chia cắt đất nước, phần để hiệp định Genève, nên chúng ta nhìn QGVN không phải là nước cho xôn xao.

Ngày 22-7-1954, thủ tướng chính phủ QGVN là Ngô Đình Diệm ra tuyên cáo phần để việc chia hai nước Việt Nam. Tuy nhiên cuối cùng chính phủ QGVN vẫn chấp nhận thi hành hiệp định Genève ngày 20-7-1954, chia hai đất nước ở sông Bến Hải, vùng vĩ tuyến 17. Như thế, từ năm 1954, tại Bắc và Nam Việt Nam, có hai chính phủ riêng biệt, theo hai chính thể riêng biệt, tức có hai nước Việt Nam riêng biệt.

Thi hành hiệp định đình chiến Genève, việc ngừng bắn chính thức có hiệu lực ngày 27-7-1954 tại Bắc Việt, ngày 1-8-1954 tại Trung Việt, và ngày 11-8-1954 tại Nam Việt. Vấn đề cấp thời của hai chính phủ là tập trung và di chuyển quân đội, công chức, cán bộ của mình và của dân chúng, về khu vực cai trị của mình. Điều 2 của Hiệp định Genève (20-7-1954) cho phép các bên di chuyển các lực lượng của hai bên về vùng tập hợp ở hai bên giới tuyến tạm thời trong thời gian 300 ngày.

Ngày 9-10-1954 là hạn chót cho những người muốn di cư vào Nam di tản khỏi Hà Nội. Hôm sau, ngày 10-10-1954, quân đội VM vào tiếp thu Hà Nội. Chỉ tịch Ủy ban Quân quản Hà Nội của VM là Ủy viên Thường Vũ tịch Nguyễn Văn Đới, người đã cho huy động công nhân Hà Nội ngày 19-12-1946 và trở thành tổ chức sơ đoàn đầu tiên của VM là sơ đoàn 308. Hội Phòng, đội m tập trung đóng bảo vệ miền Bắc muốn di cư bằng tàu thủy vào miền Nam, do VM tiếp thu ngày 13-5-1954. Ba ngày sau, toán lính Pháp cuối cùng rút lui khỏi đảo Cát Bà (vịnh Hạ Long, vùng Hội Phòng) ngày 16-5-1955. (Nếu tính từ ngày ngừng bắn có hiệu lực ở Bắc Việt (27-7-1954) cho đến ngày 16-5-1955 là 9 tháng 20 ngày.)

S ng i t mi n Nam t p k t ra B c không đ c th ng kê đ y đ . Theo s trình bày c a Võ Nguyên Giáp t i H i ngh Li u Châu (Qu ng Tây, Trung Hoa) t ngày 3-7-1954 gi a H Chí Minh và Châu Ân Lai, tr c khi chi n tranh k t thúc, VM đ tính b c đ u rút kho ng 60,000, trong đó 50,000 ng i là b đ i và 10,000 ng i làm công tác chính tr , nh t là nh ng ng i “đ ” quá, không th p l i. Ngoài ra, VM đ tính s l u l i mi n Nam t 5,000 đ n 10,000 ng i đ ch th i c , và vũ khí nào c t gi u đ c thì c t gi u sau khi quân đ i rút đi.(13) Theo m t tài li u khác cũng c a c ng s n, s ng i t p k t ra B c kho ng 175,000 ng i và 15,000 h c sinh.(14) S l ng n y có th đã đ c phóng đ i và không th ki m ch ng đ c.

S ng i t mi n B c di c vào mi n Nam lên đ n kho ng g n 900,000 ng i.(15) Trong s n y, nhân viên chính quy n (t c công ch c) và quân nhân chi m m t ph n ít, còn đ i đa s là dân chúng. Đây là đ t t n n c ng s n l n lao đ u tiên trong l ch s hi n đ i, cũng là đ t di dân n i đ a l n lao nh t trong l ch s n c ta.

Vài đ m đáng chú ý v cu c di c vĩ đ i c a dân chúng mi n B c vào mi n Nam nh sau:

Th nh t, s ng i ra đi đông đ o nh trên r i đ t B c có l i cho đ ng Lao Đ ng, vì nh ng thành ph n ch ng c ng, đ i l p, b t đ ng chính ki n, nh ng nhân v t theo các đ ng phái Qu c gia, đ u rút v mi n Nam, nên không còn, hay ít còn ng i l i đ i kháng v i ch đ m i ngoài B c.

Th hai, ng i Vi t Nam v n r t ràng bu c v i quê cha đ t t , mà g n m t tri u ng i đành ph i b x ra đi. Trong chi n tranh, b máy tuyên truy n c a Vi t Minh luôn luôn ca t ng ch đ c ng s n và chê bai chính th QGVN. Nay cu c di c vĩ đ i có th xem là cu c tr ng c u dân ý cho th y s ng i mi n B c ch n l a vào mi n Nam đông h n s ng i mi n Nam t p k t ra B c, ch ng t lòng dân nh th nào đ i v i ch đ c a đ ng Lao Đ ng (t c là đ ng CSVN)?

Th ba, s ch n l a n y c ng c ni m tin n i chính ph QGVN, giúp chính ph QGVN v ng tâm hành đ ng, và làm tăng giá tr c a chính th QGVN đ i v i th gi i.

Th t , ngoài nh ng cán b c ng s n đ c cài l i i mi n nam, s ng l n lút trà tr n trong dân chúng,(16) ch c ch n đ ng Lao Đ ng không b qua c h i cho đ ng viên c t cán len l i vào đoàn ng i di c vào mi n Nam đ làm tình báo, nh tr ng h p Vũ Ng c Nh ,(17) hay Vũ B ng...(18)

Hiệp định Genève (20-7-1954) (Phần 2)

Tác Giả: Tràn Gia Phụng

Thứ Tư, 04 Tháng 8 Năm 2010 21:14

Đúng một năm sau hiệp định Genève, để kiểm soát gây chiến, Phạm Văn Đồng, thủ tướng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (VNDCCH), tức Bộ trưởng Ngoại giao, ngày 19-7-1955 cho thủ tướng Quốc gia Việt Nam (QGVN) tức Nam Việt là Ngô Đình Diệm, yêu cầu mọi hiệp nghị hiệp thương bắt đầu từ ngày 20-7-1955, để bàn với việc tiếp tục ngừng chiến tranh như đã được quy định của hiệp định Genève.

Ngày 10-8-1955, thủ tướng Ngô Đình Diệm đã bác bỏ đề nghị của thủ tướng Phạm Văn Đồng, dựa vào lý do rằng chính phủ QGVN không ký vào hiệp định Genève và nhất là vì không có bằng chứng nào cho thấy VNDCCH đã từ bỏ quy định liên quan gia lên trên quy định liên quan Quốc gia Cộng sản.

Chính phủ QGVN đổi thành Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) vào ngày 26-10-1955. Tuy chính phủ VNCH nhiều lần từ chối, Phạm Văn Đồng vẫn nhiều lần đề nghị ngừng năm vào các ngày 11-5-1956, 18-7-1957, và 7-3-1958 để tuyên truyền với quốc tế. Liên cuối, Ngô Đình Diệm, lúc đó là tướng trưởng VNCH, bác bỏ đề nghị trên vào ngày 26-4-1958.

Do vào sự bác bỏ của chính phủ Nam Việt, Bộ trưởng Ngoại giao chính phủ Nam Việt không tôn trọng hiệp định Genève. Trong khi đó, hiệp định Genève chỉ là một hiệp định đình chiến và đã được các phe liên hiệp tức là chính phủ VM và chính phủ QGVN thi hành xong ngay từ 1954, chia hai nước Việt Nam thành Bộ trưởng và Nam Việt dưới sự giám sát của Ủy hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến, gồm đại diện các nước Canada (Gia Nã Đại), Poland (Ba Lan), India (Ấn Độ). Còn bản “Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 về việc lập lại hòa bình ở Đông Dương” không có chữ ký, thì chứng có giá trị pháp lý để thi hành. Tuy nhiên, không gây hại thì luôn luôn có lý do để gây hại.

KẾT LUẬN

Sau trận Điện Biên Phủ (7-5-1954), khi Pháp quy định như bị hại Việt Nam, các công quốc trên thế giới, Quốc gia Cộng sản cũng như Quốc gia Tự do, liên minh liên nhân loại can thiệp, và áp đặt một giải pháp chính trị theo quy định của hiệp, buộc các phe phái ở Việt Nam phải thi hành.

Để bảo đảm an toàn, Pháp thả mìn như đòi hỏi về phía khu vực miền nam, thả hiệp với công sự chia hai nước Việt Nam và liên minh liên hiệp tiếp tục ngừng năm 1956, mà không cần đến sự đồng ý nguyện của chính phủ QGVN. Pháp quy định ký hiệp định Genève (20-7-1954), để vĩnh viễn rút quân ra khỏi ba nước Đông Dương, không còn liên hiệp gì đến Việt Nam. Như thế, Pháp

đưa vào tất cả cách nào để quân đội nhà nước tự nguyện rút về vào năm 1956 và tiếp tục lại chính trị nội bộ Việt Nam? Lực lượng tự nguyện rút về này lại không được các phái đoàn tham dự ký kết để báo động thi hành. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy cộng sản luôn luôn ký kết hiệp định để làm kẻ hoãn binh và không bao giờ tôn trọng hiệp định đã ký kết, huống gì là những văn bản không có chữ ký như bản “Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 và văn bản lập lại hòa bình ở Đông Dương” ngày 21-7-1954.

Cần chú ý điểm chốt: Khi Mao Trạch Đông chỉ định lực đưa Trung Quốc, các cộng đồng quốc gia Tây phương không công nhận CHNDTQ và không cho CHNDTQ thay thế Trung Hoa Dân Quốc tại Liên Hiệp Quốc. Nhờ chiến tranh Việt Nam, Trung Quốc được các cộng đồng quốc gia mới hợp Hội nghị Genève. Nghĩa là Trung Quốc được ngồi ngang hàng với các cộng đồng quốc gia Tây phương như chiến tranh Việt Nam, như xương máu của dân tộc Việt Nam. (Việt nam tái diễn trong chiến tranh 1960-1975, vì do cuộc chiến này, Nixon qua Bắc Kinh dàn xếp với Mao Trạch Đông và Châu Ân Lai. Sau đó, Hoa Kỳ mới đưa cho Trung Quốc cộng sản vào LHQ.)

Chính phủ QGVN non trẻ, bắt đầu theo chính sách của Pháp, là chuyên dành phe chấp nhận VNDCCH (VM), dù đã lập đi lập lại và sẵn sàng xương máu người Việt để chiến đấu, và tiếp cho rằng đã chiến thắng được quốc gia Pháp, cũng không thể cộng đồng chấp nhận lại những ý đồ của Liên Xô và CHNDTQ.

Nói cách khác, người Việt có hai phía nói chung, hoàn toàn không thể quy kết đến tiếp tục lại của chính mình, mà phe bắt đầu tự nguyện chấp nhận áp đặt của ngoại bang, dù đó là ngoại bang tốt hơn hay ngoại bang cộng sản. Bất kể một ngoại bang nào đến với Việt Nam cũng đều vì quy định lợi riêng của họ, chứ không phải vì yêu thương hay giúp đỡ người Việt Nam. Chúng bao giờ có tình nghĩa xã hội chứ nghĩa hay tình nghĩa tốt hơn chứ nghĩa. Chỉ có “quy định lợi ích nghĩa” giữa các nước mà thôi.

Đất nước bị chia hai, dân tộc bị chia hai, những Hiệp định Genève chỉ là một hiệp định “đình chiến”, tức mọi chiến sự tay đánh nhau, chứ chưa phải là hiệp định hòa bình. Sau chín năm chiến tranh triền miên (1946-1954), dân chúng Việt Nam rất khao khát hòa bình, những người muốn hòa bình vẫn còn ngoài tầm tay của người Việt. Lòng dân muốn hòa bình, những người không chịu rút về đất luôn luôn muốn tóm đầu quy định lợi ích, luôn luôn muốn xâm lấn đến toàn thể. Và như thế, vẫn nước chấp hành nổi trôi, người Việt sẵn vẫn còn tiếp tục thế này không...(Trích Việt sử địa phương 5.)

(Toronto, 19-7-2010)

CHÚ THÍCH

10. Hoàng C Th y, Vi t s kh o lu n, cu n 5, Paris: Nam Á 2002, tr. 2642. Trong sách Th Nguyên, Di m Châu, Đoàn T ng, sđd. tr. 54, đăng bài d ch c a b n “Tuyên b ” n y, nh ng phía d i không có tên ng i ký. Tài li u Pentagon Papers cũng không có tên ai ký d i b n tuyên b .

11. Th Nguyên, Di m Châu, Đoàn T ng, sđd. tr. 53 (11a), tr. 56 (11b), tr. 58 (11c). Nguyên văn ti ng Pháp đ u 7 nh sau: “La Conférence déclare qu’en ce qui concerne le Vietnam, le règlement des problèmes politiques, mis en oeuvre sur la base du respect des principes de l’indépendance, de l’unité et de l’intégrité territoriales, devra permettre au peuple vietnamien de jouir des libertés fondamentales, garanties par des institutions démocratiques formées à la suite d’élections générales libres au scrutin secret. Afin que le rétablissement de la paix ait fait des progrès suffisants et que soient réunies toutes les conditions nécessaires pour permettre la libre expression de la volonté nationale, les élections générales auront lieu en juillet 1956, sous le contrôle d’une commission internationale composée de représentants des Etats membres de la Commission internationale pour la surveillance et le contrôle visée à l’accord sur la cessation des hostilités. Des consultations auront lieu à ce sujet entre les autorités représentatives compétentes des deux zones à partir du 20 juillet 1955. (http://www.ena.lu/conference_geneve_20_21_juillet_1954-010703174.html). Có th xem thêm b n ti ng d ch Anh: Gravel (ed.), Pentagon Papers, Vol. 1, pp. 279-282.

12. Ngày nay, vào Google.com, tìm “Déclaration finale de Genève en 1954”, thì có ghi rõ câu n y ngay t ti u m c c a các bài vi t: “Une déclaration finale en treize points, non signée par les participants. . “ [Môt b n tuyên b cu i cùng g m 13 đ i m, không ch ký c a nh ng ng i tham d ..]

13. Ti n Giang, Chu Ân Lai d Nh t-N i-Ngĩa h i ngh [Chu Ân lai và H i ngh Genève], B c Kinh: Trung C ng đ ng s xu t b n xã, 2005, b n d ch c a D ng Danh Dy, t a đ Vai trò c a Chu Ân Lai t i Genève năm 1954, ch ng 27, “H i ngh Li u Châu then ch t”. (diendan@diendan.org . orgdie

. org This e-mail address is being protected from spambots. You need JavaScript enabled to view it) (trích ngày 1-2-2009.) Xem thêm Th K 21, s tháng 8-2007, tr. 29. Ông Nguy n Văn Tr n, trong sách Vi t cho M & Qu c h i, Nxb. Văn Ngh , California, 1995, có đ c p đ n v n đ ng i mi n Nam t p k t ra B c, nh ng cũng không cho bi t c th s l ng ng i t p k t là bao nhiêu?

14. Đ ng Phong ch biên, L ch s kinh t Vi t Nam 1945-2000, t p II 1955-1975, Hà N i: Nxb. Khoa H c Xã H i, 2005, tr. 45.

15. Theo Đoàn Thêm, đ n ngày 30-10-1955 là ngày chính th c ch m d t cu c di c , s l ng ng i di c t n n là 887,890 ng i. (Đoàn Thêm, sđd. tr. 195.) Th c t ngoài còn cao h n nhi u.

16. Đi n hình là Lê Du n, bí th X u Nam b , i i mi n Nam đ n 1957 m i ra B c. (V sau, ng i ta m i bi t đi u n y.) (Chính Đ o, Vi t Nam niên bi u, t p I-C: 1955-1963, Houston, Nxb. Văn Hóa, 2000, tr. 17.)

17. Vũ Ng c Nh : Khi di c vào Nam năm 1954, Vũ Ng c Nh làm giám th t i m t tr ng h c do linh m c Hoàng Qu nh ph trách. Nh linh m c Hoàng Qu nh gi i thi u, Vũ Ng c Nh đ n đ c đ a vào làm vi c ph t ng th ng d i th i Đ nh t C ng Hòa. Vũ Ng c Nh b nghi ng , b b t m t th i gian, nh ng không có b ng ch ng c th nên đ c th ra. Qua th i Đ nh t C ng Hòa, Vũ Ng c Nh ti p t c ho t đ ng, và b b t tr l i vào ngày 28-7-1969 vì i làm gián đ p trong c m tình báo chi n l c A 22 c a c ng s n.

18. Vũ B ng (1914-1984), tên th t là Vũ Đ ang B ng, còn có nh ng bút danh khác là Tiêu Liêu, Lê Tâm, Vũ T ng Khanh, Hoàng Th Trâm, nguyên quán t nh H i D ng, là m t nhà báo khá n i ti ng Hà N i tr c năm 1954 và Sài Gòn sau 1954. Đ c bi t, theo ti t l c a báo chí Hà N i (báo Nhân Dân ngày 9-3-2000, báo An Ninh Th Gi i s 172, ngày 13-4-2000), Vũ B ng ho t đ ng cho C c tình báo chi n l c quân s c a c ng s n t năm 1952. Năm 1954, Vũ B ng di c vào Sài Gòn ti p t c ho t đ ng v i t cách là c s khai thác tin t c ph c v tình báo cho đ n 30-4-1975. Tác ph m đ i: L v n (1936), M t mình trong đêm t i (1937), Truy n hai ng i (1940), T i ác và h i h n (1940), Đ cho chàng kh i kh (1941), Cai (1948), Ăn t t th y tiên (1956), Kh o v ti u thuy t (1960), B n m i năm nói láo (1969), Món l mi n Nam (1970), Cái l ng đèn (1971), Nhà văn l m chuy n (1971), Nh ng cây c i ti n chi n (1971), Nói có sách (1972), Th ng nh m i hai (1972), và m t s sách đ ch.